

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC MIỄN GIẢM, CẤP BÙ HỌC PHÍ THEO NĐ 81/2021/NĐ - CP NGÀY 27/8/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TỪ THÁNG 1 ĐẾN HẾT THÁNG 5 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 212 /QĐ - UBND, ngày 20 tháng 2 năm 2025 của UBND huyện Điện Biên)

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha, Mẹ	Hộ khẩu thường trú	Đổi Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số thán g	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
Trường MN xã Núa Ngam											25.525.000
1	Quảng Tuấn Anh	2021		MG bé	K mú	Quảng Văn Phương	Pá Ngam 1- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
2	Quảng Minh Đức	2021		MG bé	K mú	Quảng Văn Hoa	Pá Ngam 1- Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
3	Lò Bảo Tiến	2021		MG bé	K mú	Lò Văn Hiệp	Pá Ngam 1- Núa Ngam	50%	40.000	5	100.000
4	Lò Phương Trần		2021	MG bé	K mú	Lò Thị Chiêng	Pá Ngam 1- Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
5	Lường Việt Khang	2021		MG bé	Thái	Lường Văn Hùng	Ta Lét- Hẹ Muông	70%	25.000	5	87.500
6	Lò Việt Hoàng	2021		MG bé	K'mú	Lò Văn Sâu	Pá Ngam 2- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
7	Sùng Minh Quân	2021		MG bé	Hmông	Sùng A Minh	Bản Háng Á Xã Rạng Đông-Tuần Giáo	70%	25.000	5	87.500
8	Lò Thị Triệu Mẫn		2021	MG bé	K mú	Lò Văn Dũng	Pá Ngam 1- Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
9	Lò Anh Đô	2020		MG Nhỡ	K mú	Lò Văn Hải	Pá Ngam 1- Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
10	Lò Minh Châu		2020	MG Nhỡ	Thái	Lò Văn Thi	Ta Lét- Hẹ Muông	70%	25.000	5	87.500
11	Lò Ngọc Diệp		2020	MG Nhỡ	Thái	Lò Văn Hiệp	Ta Lét- Hẹ Muông	70%	25.000	5	87.500
12	Lò T Thanh Trúc		2020	MG Nhỡ	Thái	Lò Thị Hồng	Ta Lét- Hẹ Muông	70%	25.000	5	87.500
13	Lò Gia Khánh	2020		MG Nhỡ	Thái	Lò Thị Tiên	Ta Lét- Hẹ Muông	70%	25.000	5	87.500
14	Lò Thị Mai Nhi		2020	MG Nhỡ	K mú	Lò Thị Tiên	Pá Ngam I- Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
15	Lường Văn Đức	2020		MG Nhỡ	Thái	Lò Thị Hóa	Ta Lét- Hẹ Muông	70%	25.000	5	87.500
16	Toán Ngọc Thái Hà Nhi		2020	MG Nhỡ	Hà Nhì	Lường Thị Hoài	Xã Leng Su Sìn- Mường Nhé	70%	25.000	5	87.500
17	Toán Ngọc Thái Hà Chi		2020	MG Nhỡ	Hà Nhì	Lường Thị Hoài	Xã Leng Su Sìn- Mường Nhé	70%	25.000	5	87.500
18	Lò Thị Phương Thuý		2020	MG Nhỡ	K mú	Lò Thị Lành	Pá Ngam I- Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
19	Quảng anh Tùng	2020		MG Nhỡ	K mú	Quảng Văn Sâm	Pá Ngam II- Núa Ngam	50%	40.000	5	100.000
20	Lò Thị Nguyệt		2019	MG Lớn	K mú	Lò Văn Tiên	Pá Ngam I- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
21	Lò Khánh Đạt	2019		MG Lớn	Kinh	Lò Văn Khoa	Pá Ngam I- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000

	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha, Mẹ	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng g	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
22	Vũ khánh Duy	2019		MG Lớn	K. Mú	Vũ Văn Toán	Pá Ngam I- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
23	Lò Đức Long	2019		MG Lớn	K. Mú	Lò Văn Hùng	Phú Ngam- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
24	Lò Thị Thu Hiền		2019	MG Lớn	Thái	Lò Văn Phong	Pá Ngam I- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
25	Lò Anh Thiệu	2019		MG Lớn	Kinh	Lò Thị Dung	Pá Ngam I- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
26	Lò Minh Khang	2019		MG Lớn	Thái	Lò Thị Phương Nhưng	Bản Pa Tản- Pa Tản Mường Nhé	100%	25.000	5	125.000
27	Nguyễn Minh Quân	2019		MG Lớn	Thái	Nguyễn Văn Cương	Bản Chính- Noong Luống	100%	40.000	5	200.000
28	Hà Gia Bảo	2019	2019	MG Lớn	H mông	Quảng Thị Kkhánh	Hua thanh - Điện Biên	100%	25.000	5	125.000
29	Mùa T Phương Linh		2019	MGG Tin Lán A	H mông	Mùa Thị Dúa	Tin Lán A- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
30	Ly Tiến Sỹ	2020		MGG Tin Lán A	H mông	Ly A Chênh	Tin Lán A- Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
31	Giàng Duy Mạnh	2020		MGG Tin Lán A	H mông	Giàng A Tro	Tin Lán A- Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
32	Ly T Phương Chí		2020	MGG Tin Lán A	H mông	Ly A Chổng	Tin Lán A- Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
33	Ly A Sơn	2020		MGG Tin Lán A	H mông	Ly A Sò	Tin Lán A- Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
34	Ly Hoàng Chính	2020		MGG Tin Lán A	H mông	Ly A Hờ	Tin Lán A- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
35	Giàng A Chung	2020		MGG Tin Lán A	H mông	Giàng A Pó	Tin Lán A- Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
36	Ly Trung Kiên	2020		MGG Tin Lán A	H mông	Vàng Thị Tổng	Tin Lán A- Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
37	Mùa T Xuân Na		2020	MGG Tin Lán A	H mông	Mùa Thị Dúa	Tin Lán A- Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
38	Giàng T Phi Phương		2020	MGG Tin Lán A	H mông	Giàng A Sênh	Tin Lán A- Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
39	Giàng Thư Thượng	2021		MGG Tin Lán A	H mông	Giàng A Vừ	Tin Lán A- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
40	Ly Thị Xuân Mong		2021	MGG Tin Lán A	H mông	Giàng Thị Vừ	Tin Lán A- Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
41	Giàng T Thảo My		2021	MGG Tin Lán A	H mông	Giàng A Thỉnh	Tin Lán A- Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
42	Ly Thị Tuyết Nhung		2021	MGG Tin Lán A	H mông	Ly A Hồng	Tin Lán A- Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
43	Ly T Linh Chi		2021	MGG Tin Lán A	H mông	Ly A Chênh	Tin Lán A- Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
44	Vừ A Phổng	2021		MGG Tin Lán A	H mông	Vừ Thị Tông	Tin Lán A- Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
45	Giàng Gia Bảo	2021		MGG Tin Lán A	H mông	Ly Thị Phái	Tin Lán A- Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
46	Giàng Thị Mai Chính		2019	MGG Huổi hua	H'Mông	Giàng A Dừa	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000

	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha, Mẹ	Hộ khẩu thường trú	Đôi Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
47	Vàng Thị Cú	2019		MGG Huổi hua	H'Mông	Vàng A Hù	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
48	Giàng Quốc Cường	2019		MGG Huổi hua	H'Mông	Vàng Thị Ly	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
49	Giàng Mạnh Cường	2019		MGG Huổi hua	H'Mông	Giàng A Ly	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
50	Giàng Sinh Hùng	2019		MGG Huổi hua	H'Mông	Giàng A Lầu	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
51	Vàng Thị Mai Hương		2019	MGG Huổi hua	H'Mông	Vàng Thị Chá	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
52	Vàng Thị Mỹ		2019	MGG Huổi hua	H'Mông	Vàng A Hải	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
53	Giàng Đông Nam	2019		MGG Huổi hua	H'Mông	Giàng A Tú	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
54	Giàng Seo Phừ	2019		MGG Huổi hua	H'Mông	Giàng A Chá	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
55	Vừ A Sơn	2019		MGG Huổi hua	H'Mông	Vừ A Lầu	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
56	Giàng Công Viên	2019		MGG Huổi hua	H'Mông	Giàng A Chừ	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
57	Giàng Thị Ánh Tuyết		2019	MGG Huổi hua	H'Mông	Giàng A Dénh	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
58	Giàng Phương Vy		2019	MGG Huổi hua	H'Mông	Giàng A Sá	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
59	Giàng A Dũng	2020		MGG Huổi hua	H'Mông	Giàng Thị Mỹ	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
60	Vàng Thị Lia		2020	MGG Huổi hua	H'Mông	Mùa Thị Khua	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
61	Mùa Thị Thùy Linh		2020	MGG Huổi hua	H'Mông	Mùa A Tỷ	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
62	Giàng Ngọc Long	2020		MGG Huổi hua	H'Mông	Giàng A Ka	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
63	Giàng Bảo Long	2020		MGG Huổi hua	H'Mông	Giàng A Sá	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
64	Giàng Thị Hoa Mai		2020	MGG Huổi hua	H'Mông	Giàng A Từa	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
65	Giàng A Quý	2020		MGG Huổi hua	H'Mông	Giàng A Đông	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
66	Giàng A Sáu	2020		MGG Huổi hua	H'Mông	Vừ Thị Giàng	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
67	Vừ A Sơn	2020		MGG Huổi hua	H'Mông	Vừ Thị Pà	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
68	Giàng Huyền Trang		2020	MGG Huổi hua	H'Mông	Giàng A Dénh	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
69	Vàng A Minh	2020		MGG Huổi hua	H'Mông	Vàng A Dơ	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
70	Giàng Diệu Linh		2021	MGG Huổi hua	H'Mông	Giàng A Mạnh	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
71	Giàng Thị Yến		2021	MGG Huổi hua	H'Mông	Giàng A Lầu	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
72	Vừ Minh Thương		2021	MGG Huổi hua	H'Mông	Vừ A Lầu	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
73	Mùa Gi Trung	2021		MGG Huổi hua	H'Mông	Vàng Thị Cúa	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
74	Giàng Mạnh Hưng	2021		MGG Huổi hua	H'Mông	Giàng A Chá	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
75	Vàng Phương Mai		2021	MGG Huổi hua	H'Mông	Vàng A Hải	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000

	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha, Mẹ	Hộ khẩu thường trú	Đôi Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
76	Vàng A Hải (Nhĩa)	2021		MGG Huổi hua	H'Mông	Vàng A Hù	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
77	Giàng Thị Linh	2021		MGG Huổi hua	H'Mông	Giàng Thị Chi	Bản Huổi Hua - Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
78	Ly Thị Thuý Ý	2019		Tin Lán B	H Mông	Ly A Chổng	Tin Lán B- Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
79	Giàng Thị Mai Xinh	2020		Tin Lán B	H Mông	Giàng A Tủa	Tin Lán B- Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
80	Giàng Thị Mai Dung	2021		Tin Lán B	H Mông	Giàng A Sò	Tin Lán B- Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
81	Giàng Đức Tuấn	2021		Tin Lán B	H Mông	Giàng Sỏ Nhia	Tin Lán B- Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
82	Giàng Mạnh Cường	2021		Tin Lán B	H Mông	Giàng A Thu	Tin Lán B- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
83	Vì Hải Đăng	2019		MG na sag 1	Lào	Vì Thị Hiền	Na sag 1- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
84	Vì Minh Vũ	2021		MG na sag 1	Lào	Vì Văn Trường	Na sag 1- Núa Ngam	50%	40.000	5	100.000
85	Lò Lường Ngọc Diệp		2019	Na Sang 2	Thái	Lò Văn Tuấn	Na Sang 2- Núa Ngam	50%	40.000	5	100.000
86	Lò Huy Chương	2019		Na Sang 2	Lào	Lò Văn Hạnh	Na Sang 2- Núa Ngam	50%	40.000	5	100.000
87	Lường Thiên Phú	2020		Na Sang 2	Lào	Lường Văn Són	Na Sang 2- Núa Ngam	50%	40.000	5	100.000
88	Lò Văn Đình Nguyên	2020		Na Sang 2	Lào	Lò Văn Bình	Na Sang 2- Núa Ngam	50%	40.000	5	100.000
89	Lò Nhật Long	2021		MGG Na Sang 2	Thái	Lò Thị Cương	Bản Xôm 3 xã Pá Khoang	70%	25.000	5	87.500
90	Quảng Thị Quỳnh Anh		2019	MGG Pá Bông	Khơ mú	Quảng Văn Thành	Pá Bông- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
91	Lò Thị Bích Dân		2019	MGG Pá Bông	Khơ mú	Lò Văn Hiền	Pá Bông- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
92	Lò Bích Năm	2019		MGG Pá Bông	Khơ mú	Lò Văn Vân	Pá Bông- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
93	Lò Thị Như Ngọc		2019	MGG Pá Bông	Khơ mú	Lò Văn Biên	Pá Bông- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
94	Lò Sơn Tùng	2019		MGG Pá Bông	Khơ mú	Lò Thị Kẹo	Pá Bông- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
95	Lò Minh Đức	2019		MGG Pá Bông	K.Mú	Lò Văn Hưng	Pá Bông- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
96	Lò Tuấn Kiệt	2019		MGG Pá Bông	Thái	Lò Thị Nội	Pá Bông- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
97	Lò Gia Hưng	2020		MGG Pá Bông	Thái	Quảng Thị Hoà	Pá Bông- Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
98	Quảng Thị Mai Lan		2020	MGG Pá Bông	Khơ mú	Quảng Văn Thành	Pá Bông- Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
99	Lò Thị Thu Ngọc	2020		MGG Pá Bông	Thái	Lò Văn Nội	Pá Bông- Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
100	Lò Văn Hồng	2020		MGG Pá Bông	Khơ mú	Lò Văn Khiên	Pá Bông- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
101	Lò Anh Tuấn	2021		MGG Pá Bông	Khơ mú	Lò Văn Biên	Pá Bông- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
102	Lò Thị Thùy Linh		2021	MGG Pá Bông	Khơ mú	Lò Văn Diện	Pá Bông- Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
103	Lò Minh Đăng			MGG Pá Bông	Thái	Lò Văn Nội	Pá Bông- Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000

	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha, Mẹ	Hộ khẩu thường trú	Đổi Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng g	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
104	Lò Gia Bảo			MGG Pá Bông	Thái	Lò Thị Đối	Pá Bông- Núa Ngam	70%	40.000	5	140.000
105	Lò Thị Thu Ngân		2019	MGG Pá Bông	Khơ Mú	Lò Văn Khiêm	Pá Bông- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
106	Lò Thùy Chi		2019	MGG Ten Núa	Thái	Lò Văn Tiên	Ten Núa- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
107	Lò Long Giang	2019		MGG Ten Núa	Thái	Lò Văn Dâm	Ten Núa- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
108	Lò Quang Khải	2019		MGG Ten Núa	Thái	Lò Văn Chiến	Ten Núa- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
109	Lò Quang Khải	2019		MGG Ten Núa	Thái	Lò Văn Thân	Ten Núa- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
110	Lò Minh Khôi	2019		MGG Ten Núa	Thái	Lò Văn Hùng	Ten Núa- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
111	Lò Minh Khôi	2019		MGG Ten Núa	Thái	Lò Văn Thiết	Ten Núa- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
112	Lường Bảo Lâm	2019		MGG Ten Núa	Thái	Lường Văn Hoàng	Ten Núa- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
113	Lò Lường Ngọc Diệp		2019	MGG Na Sang 2	Thái	Lò Văn Tuấn	Na Sang 2- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
114	Lò Huy Chương	2019		MGG Na Sang 2	Lào	Lò Văn Hạnh	Na Sang 2- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
115	Hà Đức Thắng	2019		MGG Na Sang 2	Thái	Hà Mạnh Linh	Na Sang 2- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
116	Lò Anh Khôi	2019		MGG Na Sang 2	Lào	Lò Văn Bình	Na Sang 2- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
117	Lò Thị Kim Tuệ		2019	MGG Na Sang 2	Lào	Lò Văn Bun	Na Sang 2- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
118	Lò Thị Quỳnh Trang		2019	MGG Na Sang 2	Lào	Lò Văn Cảnh	Na Sang 2- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
119	Vì Bảo Luân	2019		MGG Na Sang 2	Lào	Vì Văn Minh	Na Sang 2- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
120	Lường Chi Du		2019	MGG Na Sang 2	Lào	Lường Văn Phim	Na Sang 2- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
121	Dương Công Phúc	2019		MGG Na Sang 2	Lào	Dương Văn Kiên	Na Sang 2- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
122	Hoàng May Duyên		2019	MGG Na Sang 1	Lào	Hoàng Văn Biên	Na Sang I- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
123	Lò Đức Hùng	2019		MGG Na Sang 1	Lào	Lò Văn Toán	Na Sang I- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
124	Lò Khôi Nguyên	2019		MGG Na Sang 1	Lào	Lò Văn Bốn	Na Sang I- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
125	Vì Thị Mai Đình		2019	MGG Na Sang 1	Lào	Vì Văn Tiên	Na Sang I- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
126	Vì Thị Linh An		2019	MGG Na Sang 1	Lào	Vì Văn Sơn	Na Sang I- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
127	Mùa Thị Trúc Mai		2019	MG Lớn	H Mông	Mà A Chổng	Tân Ngam- Núa ngam	100%	40.000	5	200.000
128	Nguyễn Minh Khôi	2019		MG Lớn	Kinh	Nguyễn Văn Đông	Phú Ngam -Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
129	Trần Khánh Nghĩa	2019		MG Lớn	Kinh	Trần Văn Thìn	Phú Ngam -Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
130	Nguyễn Bảo Khang	2019		MG Lớn	Kinh	Nguyễn Văn Tân	Hắt Hẹ- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
131	Nguyễn Hà My		2019	MG Lớn	Kinh	Nguyễn Văn Ngọ	Hắt Hẹ- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000

	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Lớp	Dân tộc	Họ tên Cha, Mẹ	Hộ khẩu thường trú	Đối Tượng được hưởng	Định mức hỗ trợ	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ
		Nam	Nữ								
132	Bùi Thùy Dương		2019	MG Lớn	Kinh	Bùi Văn Toàn	Pá Ngam 2- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
133	Trần Duy Phúc	2019		MG Lớn	Kinh	Trần Văn Tuất	Phú Ngam -Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
134	Vũ Tùng Bách	2019		MG Lớn	Kinh	Vũ Văn Toàn	Hợp Thành- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
135	Trần Trung Dũng	2019		MG Lớn	Kinh	Trần Văn Điềm	Tân Ngam- Núa ngam	100%	40.000	5	200.000
136	Lò Văn Trần	2019		MG Lớn	K Mú	Lò Văn Quyết	Pá Ngam 2- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
137	Nguyễn Thị Hiền		2019	MG Lớn	Kinh	Nguyễn Thị Nhuận	Hắt Hẹ- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
138	Trần Thái Hòa	2019		MG Lớn	Kinh	Trần Văn Tuấn	Phú Ngam- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
139	Nguyễn Trọng Hiếu	2019		MG Lớn	Kinh	Nguyễn Văn Hưng	Hắt Hẹ- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
140	Đào Trần Gia Bảo	2019		MG Lớn	Kinh	Đào Văn Sơn	Hợp Thành- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
141	Nguyễn Tâm Anh		2019	MG Lớn	Kinh	Nguyễn Văn Hoàng	Phú Ngam- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
142	Hoàng Trung Hải	2019		MG Lớn	Kinh	Hoàng Việt Hùng	Huyện Hạ Hòa Tỉnh Phú Thọ	100%	40.000	5	200.000
143	Nguyễn Phúc Thịnh	2019		MG Lớn	Kinh	Nguyễn Tiến Sơn	Đội C17A -Thanh Xương	100%	40.000	5	200.000
144	Nguyễn Thanh Trúc		2019	MG Lớn	Kinh	Nguyễn Văn Khôi	Pá Ngam 2- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
145	Trần Văn Thắng	2019		MG Lớn	Kinh	Trần Văn Hiếu	Pá Ngam 2- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
146	Bùi Thị Yến Nhi		2019	MG Lớn	Kinh	Bùi Thành Quân	Gia Viễn - Ninh Bình	100%	40.000	5	200.000
147	Phùng Công Duy	2019		MG Lớn	Kinh	Phùng Công Đồng	Hợp Thành- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
148	Trần Quang Hưng	2019		MG Lớn	Kinh	Trần Văn Sơn	Tân Ngam- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
149	Trần Hoàng Giang	2019		MG Lớn	Kinh	Trần Văn Mạnh	Tân Ngam- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
150	Trần Xuân Tú	2019		MG Lớn	Kinh	Trần Xuân Nam	Tân Ngam- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000
151	Lò Đức Thiện	2019		MG Lớn	Kinh	Lò Văn Tuấn	Pá ngam 2- Núa Ngam	100%	40.000	5	200.000